

Bản án số: 189/2025/DS-ST

Ngày: 12-9-2025

V/v tranh chấp “*Hợp đồng
cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Duy Hùng;

2. Bà Đinh Thị Kim Phụng;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp “*Hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 206/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S;

Địa chỉ: A N, phường T, tỉnh Nghệ An;

Đại diện theo pháp luật: KANOKWATPAISAL NAPAT – Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Thạch Thị Lệ T, sinh năm 1993 – Nhân viên công ty cổ phần S;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt)

Theo giấy uỷ quyền ngày 17/5/2025.

2/ Bị đơn: Chị Trần Thị Thùy T1, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 31/8/2024 Công ty cổ phần S (gọi tắt là Công ty) và chị Trần Thị Thùy T1 ký hợp đồng cầm cố tài sản số EGM240801016NA20X và thoả thuận thuê lại tài sản ký cùng ngày, theo đó công ty cho chị T1 cầm cố tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu HONDA, loại Vario Indo, biển số xe 63B5-492.29; số khung

MH1JM5115KK493186; Số máy JM51E1492752; Giấy chứng nhận đăng ký số 041138 do Công an huyện G cấp ngày 23/3/2020. Số tiền cầm cố 13.882.978,72 đồng. Thời hạn cầm cố là 18 tháng từ ngày 31/8/2024; Lãi suất cầm cố bằng 1.1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; cam kết thanh toán định kỳ hàng tháng là 893.776 đồng; Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn; phí quản lý hồ sơ cố định bằng 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; P phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm;

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 31/8/2024, chị T1 và công ty đã có ký thoả thuận thuê lại tài sản là xe đã cầm cố; thời gian thuê xe là 18 tháng từ ngày 31/8/2024; P mượn xe đúng hạn là: 749.680,85 đồng/tháng (thanh toán đúng hạn, trước hạn 10 ngày, hoặc quá hạn 05 ngày thì chỉ chịu phí là 347.074,47 đồng/tháng). Tuy nhiên sau khi cầm cố tài sản và thuê lại xe mô tô thì chị T1 không thực hiện theo hợp đồng cầm cố, thoả thuận thuê tài sản, không trả nợ đúng theo cam kết và cũng không trả lại tài sản đã thuê của Công ty cho đến nay.

Như vậy, đến ngày 12/9/2025 chị T1 còn nợ lại Công ty số tiền vốn và lãi, phí theo hợp đồng là 25.048.063 đồng.

Do quyền lợi bị xâm phạm nên Công ty yêu cầu chị T1 có nghĩa vụ trả số tiền là 25.048.063 đồng. Sau ngày 12/9/2025 nếu chị T1 chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của hợp đồng cầm cố tài sản và thoả thuận thuê tài sản cho đến khi trả hết nợ.

Công ty tự nguyện trả bản chính giấy đăng ký xe mô tô cho chị T1 khi chị T1 thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho công ty.

** Bị đơn chị Trần Thị Thùy T1 vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản. Căn cứ vào các Điều 309, Điều 472 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “Hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt có đơn xin vắng; bị đơn chị Trần Thị Thùy T1 vắng mặt không lý do. Căn cứ vào

Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị P1 phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng đến ngày 12/9/2025 là 25.048.063 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch cầm cố và thuê tài sản giữa Công ty và chị T1 là có thật, thể hiện vào hợp đồng số EGM240801016NA20X và phụ lục hợp đồng ký ngày 31/8/2024 giữa công ty và chị Trần Thị Thùy T1. Theo hợp đồng hai bên đã giao kết, theo đó theo đó công ty cho chị T1 cầm cố tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Vario Indo, biển số xe 63B5-492.29; số khung MH1JM5115KK493186; Số máy JM51E1492752; Giấy chứng nhận đăng ký số 041138 do Công an huyện G cấp ngày 23/3/2020. Số tiền cầm cố 13.882.978,72 đồng. Thời hạn cầm cố là 18 tháng từ ngày 31/8/2024; Lãi suất cầm cố bằng 1.1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; cam kết thanh toán định kỳ hàng tháng là 893.776 đồng; Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn; phí quản lý hồ sơ cố định bằng 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; P phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm;

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 31/8/2024, chị T1 và công ty đã có ký thỏa thuận thuê lại tài sản là xe đã cầm cố; thời gian thuê xe là 18 tháng từ ngày 31/8/2024; P mượn xe đúng hạn là: 749.680,85 đồng/tháng (thanh toán đúng hạn, trước hạn 10 ngày, hoặc quá hạn 05 ngày thì chỉ chịu phí là 347.074,47 đồng/tháng). Tuy nhiên sau khi cầm cố tài sản và thuê lại xe mô tô thì chị T1 không thực hiện theo hợp đồng cầm cố, thỏa thuận thuê tài sản, không trả nợ đúng theo cam kết và cũng không trả lại tài sản đã thuê của Công ty cho đến nay, mặc dù Công ty đã nhiều lần tạo điều kiện, nhắc nhở nhưng chị T1 vẫn không thực hiện cho đến nay. Do đó, chị T1 là người vi phạm nghĩa vụ phải thanh toán chi phí cầm cố tài sản hàng tháng theo thỏa thuận cho Công ty, vi phạm nghĩa vụ của bên cầm cố và bên thuê tài sản được quy định tại các Điều 311, 472, 481 Bộ luật Dân sự, hiện tại chị T1 đang là người giữ tài sản nên Công ty khởi kiện chị T1 để yêu cầu trả hết số nợ vốn và lãi đến ngày 12/9/2025 là 25.048.063 đồng, không yêu cầu chị T1 trả xe cho công ty là có cơ sở.

Bị đơn chị Trần Thị Thùy T1 đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng chị vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của công ty. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy chị T1 đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty. Việc cố tình vắng mặt là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của công ty là có cơ sở, phù hợp pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đối với bản chính Giấy chứng nhận đăng ký số 041138 do Công an huyện G cấp ngày 23/3/2020 cho chị T1, công ty tự nguyện trả cho chị T1 khi chị T1 thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho công ty nên ghi nhận.

[5]. Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Các Điều 309, 311, 472, 481 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Buộc chị Trần Thị Thùy T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay tổng cộng số tiền nợ là 25.048.063 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố số EGM240801016NA20X và phụ lục hợp đồng ký ngày 31/8/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ghi nhận sự tự nguyện của công ty trả cho chị Trần Thị Thùy T1 bản chính giấy đăng ký xe số số 041138 do Công an huyện G cấp ngày 23/3/2020 cho chị T1 khi chị T1 thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

2. Về án phí:

- Buộc chị Trần Thị Thùy T1 phải chịu 1.252.403 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 537.110 đồng theo biên lai thu tiền số 0001158 ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh DT;
- VKSND.KV2;
- THADS.tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Thảo